

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 408/2020/HS-PT

Ngày: 30-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nữ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Sự;

Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Xuân Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 316/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thiện A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2020/HS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện N.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thiện A (tên gọi khác: không), sinh năm 1978 tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị P; có vợ là Lê Thị R và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị giam giữ từ ngày 07/9/2019 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thiện A là đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 14 giờ ngày 07/9/2019, A điện thoại và mua một gói ma túy của người đàn ông tên H (không

rõ nhân thân và lai lịch) với số tiền là 2.600.000 đồng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, A sử dụng điện thoại hiệu OPPO màu đen có sim số 0702.908858, gọi vào số điện thoại 0705.188336 của Trương Minh T rủ đến phòng trọ do A thuê tại ấp 2, xã L, huyện N, để cùng sử dụng ma túy. T thoại cho Đoàn Tấn P lấy xe mô tô biển số 60N7-7359 của P, chở T tới phòng trọ của A để cùng sử dụng ma túy. Khi đang sử dụng ma túy, T liền hỏi mua A 1.500.000 đồng ma túy thì A đồng ý. A liền lấy ma túy trong gói ny lon ma túy đã mua trước đó cho vào túi ny lon khác và đưa cho T, rồi nhận 1.500.000 đồng. Trên đường P chở T về đến ấp 3, xã L, lực lượng Công an xã L nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra thì phát hiện bắt quả tang gói ma túy cất bên trong túi quần của T. Qua lời khai của T, Công an huyện N liền phối hợp với Công an xã L khám xét phòng trọ của A, thu giữ tang vật như sau: 01 gói ny lon bên trong có chứa hạt tinh thể màu trắng do A giao nộp và khai là ma túy, 6.500.000 đồng; 01 điện thoại hiệu sam sung màu xanh có sim số 0913.829272; 01 điện thoại hiệu OPPO màu đen có sim số 0702.908858; 01 cân tiểu ly màu đen; 01 hộp quạt ga; 01 bình nhựa có gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh; 01 xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60L-168.05; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C và 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cùng mang tên Trần Thiện A. Ma túy đã thu giữ của A được niêm phong mang ký hiệu M2, còn Ma túy đã thu giữ của T được niêm phong mang ký hiệu M1.

Quá trình điều tra, A khai nhận đã bán ma túy cho Trương Minh T 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng trước lễ 02/9/2019, bán 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng;

Lần 2: Vào ngày 07/9/2019, bán 01 gói ma túy với giá 1.500.000 đồng thì A bị Công an xã L phát hiện bắt giữ.

Tại bản Kết luận giám định số: 1043/PC09-GĐMT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đồng Nai, đã kết luận như sau:

- Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 2,6198gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 20,6108gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: M1 = 2,5728gam; M2 = 20,4991gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2020/HS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020

của Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên xử: Bị cáo Trần Thiện A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 106, 136, 260, 268, 269, 326, 333, 337, 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Xử phạt Trần Thiện A 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 07/9/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị cáo Trần Thiện A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo luôn chấp hành tốt nội quy và gia đình bị cáo có công với cách mạng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ giảm mức hình phạt nhưng không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về kiến nghị của Tòa cấp sơ thẩm đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo A về hành vi dụ dỗ, kêu gọi sự ham muốn của N và L để họ sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi này chưa đủ cơ sở để xem xét bị cáo A có dấu hiệu phạm tội “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 258 của Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thiện A trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 07/9/2019 (bút lục 45-46), Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp (bút

lục 74), Biên bản khám xét (bút lục 78), Biên bản đối chất giữa A và T (bút lục 25, 26), Kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, cáo trạng và bản án sơ thẩm mô tả. Bị cáo đã có hành vi bán ma túy cho T vào các ngày 26/8/2019 và 07/9/2019, tổng số ma túy đã thu giữ trên người của T và tại phòng trọ của A vào ngày 07/9/2019, theo kết quả giám định có khối lượng là: 23.2306 gam, loại Methamphetamine, nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm i khoản 2 điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quyết định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Cáp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo A 10 (mười) năm tù là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo cho rằng trong thời gian bị cáo bị tạm giam, bị cáo luôn chấp hành tốt nội quy của cơ sở giam giữ và gia đình bị cáo có công với cách mạng; đối với tình tiết gia đình có công với cách mạng cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng cho bị cáo; bị cáo trình bày tình tiết luôn chấp hành tốt nội quy để xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở xem xét. Bị cáo không đưa ra được tình tiết hay chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Đối với kiến nghị của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo Ân về hành vi dụ dỗ, kêu gọi sự ham muốn của N và L để họ sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, qua lời khai của chị Lê Thị Yến N tại các bút lục 196, 197, 220, 221, 241, 242 có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, hành vi này chưa đủ cơ sở để xem xét bị cáo A có dấu hiệu phạm tội “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 258 của Bộ luật hình sự.

[4] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Thiện A phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thiện A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 77/2020/HS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N.

1. Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thiện A 10 (mười) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 07/9/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thiện A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh - VKS huyện;
- PV 27- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện;
- TAND huyện;
- CA huyện;
- B5 - Bị cáo;
- Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Nữ